

# ỨNG DỤNG BA SIÊU CHỨC NĂNG NGÔN NGỮ VÀO QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO VĂN BẢN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

ThS NGUYỄN THỊ HÀ \*

1. Ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giao tiếp giữa con người với con người trong cộng đồng xã hội. M.A.K. Halliday cho rằng, ngôn ngữ có ba siêu chức năng (metafunctions): siêu chức năng kinh nghiệm (experiential metafunction), tư tưởng hay biểu ý (ideational metafunction) hay còn gọi là siêu chức năng phản ánh (reflective metafunction); siêu chức năng liên nhân (interpersonal metafunction) hay siêu chức năng hoạt động (active metafunction); siêu chức năng ngôn bản (textual metafunction).

Vậy, tại sao nghiên cứu ngôn ngữ từ góc độ “chức năng”, Halliday cho rằng, thứ nhất để làm rõ ngôn ngữ được sử dụng như thế nào? Thứ hai là xây dựng nguyên lý cơ bản về sử dụng ngôn ngữ. Nguyên nhân quan trọng hơn là nghiên cứu mối quan hệ giữa chức năng ngôn ngữ và bản thân ngôn ngữ. Theo chúng tôi, việc nghiên cứu ngôn ngữ từ góc độ chức năng còn giúp cho việc ứng dụng nó một cách rộng hơn vào trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống.

Chức năng tư tưởng hay biểu ý (ideational metafunction) và việc ứng dụng nó vào soạn thảo văn bản quản lý hành chính nhà nước (QLHCNN).

Siêu chức năng tư tưởng là sự biểu hiện kinh nghiệm của chúng ta về thế giới, bao gồm cả tưởng tượng. Tức là chúng ta xem xét các yếu tố, các sự vật, hiện tượng xung quanh và cả những yếu tố, ý tưởng, quan điểm ở trong mỗi người mà ngôn ngữ là

công cụ quan trọng để biểu hiện các yếu tố, ý tưởng, quan điểm, đồng thời nó có vai trò kết nối, cố định hóa lại các sự vật, hiện tượng mà con người nhìn thấy. Ở đây, nghĩa biểu hiện được xem như là “nội dung”. Chức năng biểu hiện tương ứng với các yếu tố biểu đạt kinh nghiệm như: “quá trình, tham thế và chu cảnh”. Vậy, siêu chức năng tư tưởng hay biểu ý nó có những ứng dụng gì vào trong quá trình soạn thảo văn bản QLHCNN?

Thứ nhất, soạn thảo văn bản QLHCNN xét trên cách nhìn của siêu chức năng tư tưởng thì đây là giai đoạn đầu tiên, điểm khởi đầu cho chúng ta hình thành ý tưởng, xem xét, cân nhắc các vấn đề. Tức là giai đoạn này trong soạn thảo văn bản QLHCNN thì người soạn thảo hay ban soạn thảo cần xem xét đến các vấn đề có thể đang diễn ra ở xung quanh và cần xác định được vấn đề. Vấn đề đó đặt ra sẽ giải quyết được vấn đề gì trong thực tế? Hiện tại nó đang diễn ra như thế nào? Và tác dụng của nó đối với thực tiễn mà chính xác đó là đối với đời sống xã hội. Chẳng hạn, vấn đề về giảm ách tắc và tai nạn giao thông, người soạn thảo hay ban soạn thảo văn bản phải xem xét tới nhiều vấn đề đang diễn ra trong thực tế, từ những kinh nghiệm trong thực tế chúng ta thu nhận được và cả ý tưởng ở trong chúng ta... tức là hình thành ý tưởng, để từ đó đề xuất sáng kiến và vận dụng nó vào việc

\* Học viện Hành chính.

soạn thảo thông qua công cụ biểu đạt đó là ngôn ngữ. Đối với văn bản QLHCNN có thể kể đến các yếu tố quan trọng như thẩm quyền ban hành văn bản, hiệu lực của văn bản, nguồn lực, môi trường tác động, phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng rộng hay hẹp... ở đây cũng phải kể đến yếu tố (tham thế, chu cảnh).

*Thứ hai*, lựa chọn, xác định các phương thức ngôn ngữ thể hiện chức năng tư tưởng trong văn bản quản lý nhà nước. Có thể nói, chúng ta không thể tạo ra được một văn bản có chất lượng, thể hiện được ý chí mệnh lệnh của nhà nước nếu chúng ta không lựa chọn và diễn đạt ngôn ngữ trong văn bản của chúng ta một cách phù hợp.

*Chức năng liên nhân* (interpersonal metafunction).

Siêu chức năng liên nhân thể hiện ở tất cả việc sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt các mối quan hệ xã hội và các cá nhân. Điều này bao gồm những cách khác nhau mà người nói sử dụng trong tình huống nói và thực hiện hành động nói. Siêu chức năng này được hiện thực thông qua hệ thống thức (mood system) và hệ thống tình thái (modality system). Thức chỉ rõ vai trò mà người lựa chọn trong tình huống nói và vai trò mà anh ta ấn định cho người nghe. Nếu người nói chọn thức cầu khiến thì anh ta cho mình vai trò ra lệnh và sắp đặt người nghe vào vị trí tuân lệnh. Tình thái được định rõ người nói thể hiện sự đánh giá hoặc nói ra dự đoán của mình. Chức năng liên nhân thể hiện không khí chung của diễn ngôn (Tenor of discourse), một trong ba khái niệm về môi trường xã hội của văn bản theo quan điểm của Halliday. Về thực chất văn bản QLHCNN là sự thể hiện bằng mối quan hệ giữa bên ra văn bản và bên thực thi; giữa bên phát và bên nhận. Tuy nhiên, hệ thống văn bản QLHCNN có những loại văn bản mang

tính chất bắt buộc thực hiện, chẳng hạn, quyết định, chỉ thị, nghị định (quy phạm pháp luật) ... nhưng cũng có loại văn bản chỉ mang tính chất truyền đạt thông tin mà thôi. Ví dụ, một biên bản cuộc họp thì nó chỉ mang tính chất truyền đạt thông tin.

Có câu hỏi đặt ra ở đây là, chức năng liên nhân nó có thể giúp gì, ứng dụng được nó như thế nào vào trong soạn thảo văn bản QLHCNN?

Theo chúng tôi, một mặt từ những thông tin phản hồi, thông tin trao đổi như chúng ta đã phân tích ở trên sẽ giúp cho người soạn thảo hoặc ban soạn thảo xác định được loại văn bản mình cần soạn thảo, nó thuộc loại văn bản gì? Quyết định, chỉ thị, nghị quyết hay thông tư, nó thuộc loại văn bản quy phạm pháp luật hay văn bản hành chính thông thường... Đồng thời, xác định rõ được nội dung, thông tin mình cần đưa vào văn bản và đối tượng thực thi văn bản, lựa chọn hình thức cho văn bản, kết cấu cho văn bản. Mặt khác, giúp cho người soạn thảo trong việc lựa chọn ngôn ngữ thích hợp vào từng loại văn bản nhằm đạt được mục đích, hiệu quả giao tiếp. Các phương thức ngôn ngữ thể hiện chức năng liên nhân trong văn bản hành chính được hiện thực hóa qua hệ thống thức (mood system) và hệ thống tình thái (modality system).

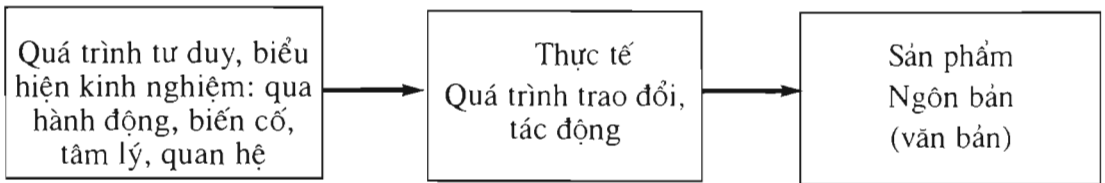
*Siêu chức năng ngôn bản* (textual metafunction).

Siêu chức năng ngôn bản đề cập đến việc ngôn ngữ có cơ chế làm cho một bản thuyết trình ở dạng nói hoặc viết thành một văn bản mạch lạc và nhất quán, tạo ra một thông điệp sống động khác với một tập hợp các câu nhưng không có liên kết chủ đề. Tức là, làm thế nào để các bộ phận trong văn bản nói hoặc viết có mối quan hệ với nhau, nghĩa là làm thành một văn bản có cấu trúc nội tại, làm cho các câu

trong đoạn, trong văn bản khác với câu minh họa trong từ điển hoặc trong sách ngữ pháp.

Như vậy, chúng ta có thể hiểu *chức năng thứ nhất*, chức năng tư tưởng là chức năng biểu hiện quá trình hình thành ý tưởng, biểu hiện kinh nghiệm, phát triển ý tưởng, đồng thời, nó phản ánh quá trình hoạt động tư duy của mỗi một con người mà ngôn ngữ là công cụ để chuyển tải, để biểu hiện các quá trình đó. *Chức năng thứ hai*, là chức năng liên nhân (giao tiếp, trao

đổi) từ những vấn đề, nội dung đã được thể hiện ra thế giới bên ngoài, con người mới có sự phản hồi (tiếp nhận hoặc không tiếp nhận...) từ đó mới hoàn thành “sản phẩm”. Cụ thể cấu trúc đề, thuyết, các cách thức lập luận và một số phương thức liên kết tương ứng với chức năng tổ chức văn bản. Như vậy, chính hai chức năng này làm tiền đề cho chức năng thứ ba là chức năng ngôn bản (văn bản). Chúng ta có thể khái quát vấn đề như sau:



Đối với các chức năng này, việc áp dụng vào soạn thảo văn bản QLHCNN được thể hiện trên các yếu tố liên kết của văn bản, cả về liên kết nội dung lẫn liên kết hình thức. Mặt khác là “sản phẩm” của lĩnh vực quản lý nhà nước thì còn cần phải tính đến yếu tố thể thức, hiệu lực và tính khả thi của văn bản.

Để thấy rõ hơn việc áp dụng ba siêu chức năng vào việc soạn thảo văn bản, chúng ta có thể xem ví dụ phần cuối bài.

Theo cách hiểu về ba siêu chức năng ngôn ngữ nói trên, tại văn bản này bao gồm cả ba chức năng. Chức năng thứ nhất thể hiện quá trình hình thành, thiết lập các yếu tố cho văn bản (kinh nghiệm ở môi trường bên ngoài và ở bên trong). Đồng thời, nó cũng biểu hiện trong đó cả yếu tố quá trình, tham thể và chu cảnh. Chức năng thứ hai thể hiện đối tượng tiếp nhận văn bản, tên loại văn bản, thẩm quyền ban hành và chức năng cuối cùng thể hiện đây chính là một “sản phẩm” - một văn bản đảm bảo cả yếu tố nội dung, thể thức...

2. Văn bản QLHCNN thực chất là một công cụ để tổ chức, điều hành và quản lý xã hội. Sự ra đời của văn bản này nhằm thực thi pháp luật, đồng thời điều chỉnh mọi hoạt động của xã hội một cách có hiệu quả cũng như là việc nhận thức và kiến tạo lại những vấn đề thực tiễn một cách chính xác và khoa học hơn. Khác với mọi loại văn bản khác, văn bản QLHCNN thể hiện quan hệ giữa bên nắm quyền lực và bên chịu sự điều chỉnh của quyền lực, giữa các cơ quan nhà nước với nhau hoặc giữa nhà nước và công dân. Có thể nói, đây là một loại văn bản rất “đặc thù”. Vậy làm thế nào để loại văn bản “đặc thù” này phát huy được hiệu quả của nó? Theo chúng tôi, người soạn thảo hoặc ban soạn thảo hoặc là cơ quan soạn thảo phải tuân theo một trình tự, thủ tục nhất định. Quy trình đó bao gồm: Sáng kiến và soạn thảo văn bản; Lấy ý kiến tham gia; Thẩm định văn bản; Xem xét, thông qua; Công bố; Gửi và lưu văn bản. Trình tự này được quy định một cách cụ thể, có tính thể chế bất